

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 13/ 2024/DS - ST

Ngày: 13/6/2024

Về việc: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hữu.

Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên; thư ký TAND thị xã hoàng Mai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Đào Giang Lệ; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D. Sinh năm 1964 (Có mặt).

Trú tại: K, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: 1. Bà Lê Thị D1, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

2. Ông Hồ Trọng H, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Trú tại: K, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Người được ông H uỷ quyền: Bà Lê Thị D1, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Trú tại: K, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ: K, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khối 11, phường Quỳnh Xuân, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

3. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: K, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (bà Nguyễn Thị D) trình bày:

Vào khoảng năm 2008, bà có cho vợ chồng ông Hồ Trọng H và bà Lê Thị D1 vay tiền nhiều lần. Đến ngày 29/11/2010 (Âm lịch) (Âm lịch), tức ngày 03/01/2011 DL, hai bên chốt công nợ và hai bên tự nguyện lập giấy vay tiền. Số tiền gốc bà cho ông H và bà D1 vay tổng cộng là 217.000.000đ (Hai trăm mười bảy triệu đồng); lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng không ghi cụ thể vào trong giấy vay tiền. Thời hạn vay không ghi rõ, chỉ thỏa thuận khi nào bà cần thì báo cho ông H, bà D1 trả tiền. Khi lập giấy vay tiền ông H, bà D1 tự nguyện ký dưới giấy vay và có bà Đặng Thị T ký làm chứng. Bà D1, ông H hứa sẽ trả tiền lãi cho bà theo lãi suất ngân hàng hiện tại. Từ năm 2010 cho đến nay, ông H và bà D1 chưa trả cho bà khoản tiền gốc nào. Ông H và bà D1 mới trả cho bà số tiền lãi suất là 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) thông qua cho con gái là Nguyễn Thị H1 02 lần tổng cộng là 25 triệu đồng, bà Nguyễn Thị L (em gái bà) 01 lần 30 triệu đồng và số còn lại là trực tiếp trả cho bà. Sau đó bà bị ốm đau cần tiền chữa bệnh nên có đến nhà ông H, bà D1 đòi tiền nợ nhiều lần nhưng ông H, bà D1 không trả khoản tiền gốc và thêm khoản tiền lãi khác.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Hồ Trọng H và bà Lê Thị D1 có trách nhiệm trả cho bà S tiền gốc là gốc 217.000.000đ (Hai trăm mười bảy triệu đồng) và tiền lãi suất 01%/tháng tính từ lúc hai bên chốt nợ đến nay là (292.950.000đ – 135.000.000đ) còn lại là 177.950.000đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 394.950.000đ (Ba trăm chín mươi tư triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Trước khi mở phiên tòa cũng như tại phiên tòa bà có thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất. Nay bà không yêu cầu ông H, bà D1 trả tiền lãi suất 1%/tháng nữa mà bà chỉ yêu cầu bà D1, ông H trả cho bà tiền lãi suất là 0,75%/tháng (tức là 9%/năm) cụ thể bà yêu cầu tiền lãi suất tính từ lúc hai bên chốt nợ đến ngày mở phiên tòa (13/6/2024) thời gian là 161 tháng 08 ngày. Bà chỉ yêu cầu tiền lãi suất trong 160 tháng là 260.400.000đ. Trong đó bà D1 ông H đã trả được 135.000.000đ tiền lãi suất còn lại 125.400.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 342.400.000đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai; biên bản hòa giải bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (bà Lê Thị D1) trình bày: Bà thừa nhận vợ chồng bà là Hồ Trọng H và Lê Thị D1 cần tiền kinh doanh buôn bán nên có vay tiền của bà Nguyễn Thị D nhiều lần. Đến ngày 29/11/2010 (Âm lịch) (âm lịch) vợ chồng bà và bà Nguyễn Thị D chốt công nợ với nhau tổng số tiền còn nợ là 217.000.000đ (Hai trăm mười bảy triệu đồng) và hai bên tự nguyện lập Giấy vay tiền; Thời hạn vay không ghi rõ. Khi vay

tiền, hai bên không thỏa thuận lãi suất với nhau. Khi lập giấy vay tiền bà và ông H tự nguyện ký dưới giấy vay tiền và có bà Đặng Thị T ký làm chứng. Sau khi vay tiền, từ năm 2010 đến nay, vợ chồng bà đã trả cho bà Nguyễn Thị D toàn bộ số tiền gốc là 217.000.000đ (Hai trăm mười bảy triệu đồng). Vợ chồng bà có hứa với bà D sau này vợ chồng làm ăn khá giả sẽ trả hỗ trợ tiền lãi suất cho bà D khỏi bà D thiệt thòi. Bà và ông H không còn nợ bà D khoản tiền nào khác.

Hiện nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà có trách nhiệm trả cho bà S tiền gốc là 217.000.000đ (Hai trăm mười bảy triệu đồng) và tiền lãi suất là 0,75%/tháng (tức là 9%/năm) tính từ lúc hai bên chốt nợ đến ngày mở phiên tòa (13/6/2024) là 260.400.000đ, ông, bà đã trả được 135.000.000đ còn lại 125.400.000đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 342.400.000đ thì bà và ông H không đồng ý trả cho bà D khoản tiền nói trên. Bà và Ông H đã trả hết tiền nợ cho bà D, không còn nợ bà D khoản tiền nào khác.

Theo bản tự khai người làm chứng (chị Nguyễn Thị H1) trình bày: Chị là con gái của bà Nguyễn Thị D. Bà Lê Thị D1 có trả tiền cho mẹ là bà Nguyễn Thị D thông qua chị 2 lần; lần 1 số tiền 10 triệu đồng, lần 2 số tiền 15 triệu đồng; tổng cộng là 25 triệu đồng. Bà D1 chỉ nói trả tiền cho mẹ còn không nói trả tiền gốc hay trả tiền lãi suất. Việc vay nợ giữa mẹ chị và ông H, bà D1 chị có biết hai bên thỏa thuận lãi suất vay bằng lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay tiền.

Theo bản tự khai người làm chứng (bà Nguyễn Thị L) trình bày: Bà là em gái của bà Nguyễn Thị D. Trước đây có nhận của bà Dung H2 số tiền 30.000.000đ sau đó bà đã đưa lại cho chị gái bà là Nguyễn Thị D.

Theo bản tự khai người làm chứng (bà Đặng Thị T) trình bày: Bà là hàng xóm của bà D1 với ông H2. Việc vay nợ giữa bà D với bà D1, ông H2 thì bà không biết. Hai bên có lập biên bản nhờ bà ký tên người làm chứng thì bà ký tên vào người làm chứng. Còn số tiền vay, lãi suất cụ thể như thế nào thì bà không biết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đúng theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 471; Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357; điều 463 điều 468; điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi suất. Điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Hồ Trọng H, bà Lê Thị D1 phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền gốc và lãi suất là 342.400.000đ.

Về án phí: Ông Hồ Trọng H, bà Lê Thị D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền án phí cho bà D

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Hợp đồng vay tài sản phát sinh trước ngày 01/01/2017. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bộ luật dân sự năm 2005 là luật nội dung được áp dụng để giải quyết vụ án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hồ Trọng H, bà Lê Thị D1 có nơi cư trú tại khối I, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, vì vậy theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, hợp đồng không có thời hạn trả nợ nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền tiền gốc và lãi suất tính từ lúc hai bên chốt nợ cho đến nay là 342.400.000đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy vay tiền ngày 29/11/2010 (Âm lịch) và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan. Nội dung chứng cứ thể hiện ông Hồ Trọng H, bà Lê Thị D1 có vay của bà Nguyễn Thị D số tiền gốc là 217.000.000đ. Giấy tờ vay không xác định thời hạn trả, không ghi lãi suất vay. Bị đơn ông Hồ Trọng H, bà Lê Thị D1 cũng đã xác định tại giấy vay nợ đó là đúng. Cũng thừa nhận có trước đây có vay nợ bà D nhiều lần đến ngày 29/11/2010 (Âm lịch) hai bên chốt nợ số tiền ông H bà D1 hiện còn vay bà D số tiền là 217.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà D có trình bày vợ chồng bà D1, ông H đã trả cho bà được số tiền là 135.000.000đ và xác định đây là số tiền lãi suất mà bà D1, ông H đã trả cho bà. Bà D1, ông H thừa nhận đã trả số tiền 135.000.000đ nhưng khẳng định đây là trả tiền gốc, không phải là tiền lãi suất. Ngoài ra trong quá trình vay nợ bà cũng đã trả thêm cho bà D thêm nhiều lần nữa tổng cộng đã trả đủ cho bà D số tiền là 217.000.000đ có cung cấp tài liệu để chứng minh việc trả nợ. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án cũng như các tài liệu của các đương sự cung cấp để xem xét giải quyết.

Qua nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xác định trước đây bị đơn ông Hồ Trọng H, bà Lê Thị D1 có vay của bà Nguyễn Thị D nhiều lần. Đến ngày 29/11/2010 (Âm lịch) hai bên chốt số tiền gốc vay là 217.000.000đ. Giấy vay không xác định thời hạn trả, không ghi lãi suất vay. Bà Nguyễn Thị D trình bày việc hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau không ghi vào giấy vay. Bị đơn bà D1, ông H không thừa nhận việc vay nợ giữa hai bên có tính lãi suất. Tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2024 và ngày 22/4/2024 bà Lê Thị D1 cũng đã trình bày trước đây ông bà cũng có xin bà D tiền lãi suất nhưng bà D không chấp nhận và có hẹn với bà D sau này làm ăn được thì vợ chồng sẽ trả một ít tiền lãi suất cho bà D khỏi bà D thiệt thòi. Ngoài ra tại các giấy tờ vay nợ trước khi hai bên chốt nợ với nhau bà D1 cũng đã thừa nhận và ghi còn nợ lãi bà D 7.000. Tại biên bản hoà giải mặc dù bà D1 không thừa nhận hợp đồng có lãi suất nhưng cũng đã trình bày sau này có điều kiện sẽ hỗ trợ một phần tiền lãi cho bà D khỏi bà thiệt thòi. Do đó Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có lãi nhưng không xác định được lãi suất. Khi xem xét Hợp đồng thì các bên chưa thực hiện xong quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận nên được xem đây là hợp đồng đang được thực hiện. Do đó cần nên áp dụng điểm c, mục 1 điều 2 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để tính lãi suất cho các bên. Việc bị đơn không trả số tiền gốc và tiền lãi là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại các Điều 471, 473, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị D yêu cầu trả tiền lãi suất Hội đồng xét xử nhận định như sau: Về thời gian tính lãi suất ông Hồ Trọng H, bà Lê Thị D1 vay tiền từ ngày 29/11/2010 (Âm lịch) đến ngày xét xử 13/6/2024 tổng cộng là 161 tháng 08 ngày. Bà Nguyễn Thị D chỉ yêu cầu thời gian tính tiền lãi suất trong thời hạn là 160 tháng đây là

sự nguyện của bà D không vượt quá thời gian tính lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận về yêu cầu tính thời gian trả lãi của bà Nguyễn Thị D.

Căn cứ vào điểm c, mục 1 điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với hợp đồng đang thực hiện thì thời gian tính lãi suất trước ngày 01/01/2017 thì sẽ áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 để tính lãi suất theo đó lãi suất sẽ được theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố, theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 (Âm lịch) của Ngân hàng N về mức lãi suất cơ bản là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng. Thời gian tính lãi suất từ ngày 01/01/2017 đến nay thì sẽ áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất theo đó lãi suất được chấp nhận là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Về mức lãi suất hàng tháng bà Nguyễn Thị D chỉ yêu cầu mức lãi suất 9%/năm tương đương 0,75%/tháng là phù hợp vào các quy định của pháp luật để tính mức lãi suất nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét số tiền bà D1, ông H đã trả cho bà D tổng cộng là 135.000.000đ. Số tiền này không vượt quá số tiền lãi suất tại thời điểm bà D1 trả nợ nên được xem số tiền này là tiền lãi suất bà D1, ông H phải trả cho bà D.

Đối với trình bày của bà Lê Thị D1 trình bày đã trả hết 217.000.000đ cho bà D và cung cấp thời gian số tiền trả cho bà D. Xét tài liệu trả nợ của bà Lê Thị D1 cung cấp có thể hiện: 2011 trả 8tr+5tr; 2012 trả 20; 2013 trả 20; 2014 trả 4tr+20tr; 2016 trả 20tr=97tr; 2017 trả 10+5=15tr; 28/12/20128 trả đi 10 triệu; tổng là 122 triệu; Tổng cháu trả đi 217.000.000đ xem xét các tài liệu trả nợ này thì hoàn toàn do bà D1 là người trực tiếp viết, không có chữ ký xác nhận của bà D, bà D cũng không thừa nhận bà D1, ông H đã trả số tiền trên nên không có căn cứ chấp nhận những lần bà D1 đã trả cho bà D như bà D1 đã kê khai.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Hồ Trọng H, bà Lê Thị D1 phải phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền gốc còn lại là 217.000.000đ và tiền lãi suất tính đến nay (ngày 13/6/2024) là 260.400.000đ bà D1 ông H đã trả được 135.000.000đ còn lại 125.400.000đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 342.400.000đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. nên bị đơn ông Hồ Trọng H, bà Lê Thị D1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 471, Điều 473, khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 điều

468; khoản 1 điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi suất. Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 (Âm lịch) của Ngân hàng N về mức lãi suất cơ bản.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn ông Hồ Trọng H, bà Lê Thị D1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Hồ Trọng H, bà Lê Thị D1 phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ tiền gốc còn lại là 217.000.000đ và tiền lãi suất tính đến ngày 13/6/2024 là 260.400.000đ bà D1 ông H đã trả được 135.000.000đ còn phải trả tiếp số tiền là 125.400.000đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 342.400.000đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về án phí: Ông Hồ Trọng H, bà Lê Thị D1 phải chịu 17.120.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Kỷ phần mỗi người phải chịu 8.560.000đ án phí Dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà D 12.980.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008338 ngày 29/11/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Hoàng Mai.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- VKSNDTX Hoàng Mai;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Đường sự;
- Chi cục THADSTX Hoàng Mai;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Huy